TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2024/DS-PT
Ngày 28-11-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải và ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang,xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 295/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 292/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 311/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 335/2024/QĐPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2024: Bà Đỗ Thị Ngọc O, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1983 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Trúc H, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh S theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2024: Bà Nguyễn Trúc H, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Tổ B, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Trúc H: Bà Bùi Trần Phú T1, là Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đặng Văn D, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Văn D theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2024: Bà Bùi Thị Diễm N, sinh năm 2002; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Bà Trịnh Thị Á, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Trịnh Thị Á theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2024: Bà Đỗ Thị Ngọc O, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Trúc H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Văn T (sau đây gọi tắt là ông T) và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/9/2020, ông Nguyễn Thanh S (sau đây gọi tắt là ông S) vay 400.000.000đ của ông T, lãi suất 3%/tháng, ông S có xác lập giấy nhận nợ, có người làm chứng là ông Nguyễn Thanh H1 (sau đây viết tắt là ông H1). Sau khi vay, ông S có trả cho ông T số tiền 284.000.000đ; cụ thể:

- Trả lãi bằng tiền mặt là 23.000.000đ do bà Trịnh Thị Ánh N1 (sau đây gọi tắt là bà Á, là vợ của ông T).

- Trả lãi bằng chuyển tiền nhiều lần vào tài khoản của ông Đặng Văn D (sau đây gọi tắt là ông D, là con của ông T) là 161.000.000đ.

- Trả vốn 100.000.000đ chuyển vào tài khoản của ông D ngày 18/6/2023. Đơn khởi kiện đánh máy nhầm là ngày 16/8/2023 nhưng sau đó, ông T có sửa đổi đơn khởi kiện.

Nay ông T yêu cầu vợ chồng ông S và bà Nguyễn Trúc H (sau đây gọi tắt là bà H) liên đới trách nhiệm trả cho ông T vốn vay là 300.000.000đ và tiền lãi từ ngày 16/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi là 10,5%/năm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của ông T rút một phần khởi kiện về yêu cầu trả tiền lãi; đồng ý điều chỉnh tiền lãi đã trả theo mức lãi suất do pháp luật quy định, số tiền lãi trả dư sẽ trừ vào vốn.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông S (do bà H đại diện) và bà H trình bày:

Bà H và ông S là vợ chồng; bà H thừa nhận ông S có vay 400.000.000đ của ông T ngày 09/9/2020, ông S có xác lập giấy nhận nợ, có ông H1 chứng kiến.

Sau khi vay, ông S có trả tiền lãi nhiều lần cho ông T là 120.000.000đ nhưng không lập giấy tờ. Năm 2021, do dịch C và công việc làm không thuận lợi nên ông S xin trả dần vốn và được ông T đồng ý.

Từ ngày 25/01/2022 đến ngày 15/9/2023, ông S trả vốn nhiều lần là 361.000.000đ (cụ thể: Chuyển vào tài khoản của ông D là 261.000.000đ; trả tiền mặt 100.000.000đ cho bà Trịnh Thị Á là vợ của ông T nhận ngày 16/8/2023 nhưng không lập giấy tờ).

Nay ông S còn nợ ông T vốn vay là 39.000.000đ. Ông S và bà H đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả cho ông T vốn 39.000.000đ, không đồng ý trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Á và người đại diện của bà Á trình bày:* Bà Á là vợ của ông T. Bà Á thống nhất với lời khai và yêu cầu của ông T. Bà Á không thừa nhận việc ông S trả tiền mặt 100.000.000đ cho bà Á.

- *Ông D trình bày:* Ông D là con của ông T và bà Á. Ông D xác định ông S có chuyển tiền nhiều lần vào tài khoản của ông D là 261.000.000đ như ông T trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 292/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú quyết định:

- Đình chỉ xét xử khởi kiện của ông T về yêu cầu trả tiền lãi.

- Chấp nhận một phần khởi kiện của ông T.

- Buộc ông S và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 262.329.000đ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/9/2024, bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Bà Đỗ Thị Ngọc O là người đại diện của ông T và bà Á trình bày: Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông T và bà Á không đồng ý kháng cáo của bà H.

- Bà H: Vắng mặt.

- Bà Bùi Thị Diễm N (đại diện của ông D): Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm; ông S và bà H đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả cho ông T vốn là 39.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 292/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Bà H; bà Bùi Thị Diễm N (là đại diện của ông D) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà Bùi Thị Diễm N (là đại diện của ông D).

[2] Về hình thức đơn kháng cáo: Bà Huỳnh nộp đơn kháng cáo trong thời hạn và có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Về xác lập hợp đồng vay:

Theo nội dung của Giấy nhận nợ ngày 09/9/2020 ghi nhận về việc ông T cho ông S vay 400.000.000đ và trả lãi theo thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận có xác lập hợp đồng vay theo nội dung Giấy nhận nợ ngày 09/9/2020. Như vậy, ông S có vay 400.000.000đ của ông T và vay có lãi; do đó, phát sinh nghĩa vụ của ông S đối với ông T theo quy định tại Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về số tiền đã trả:

[3.2.1] Đối với số tiền chuyển vào tài khoản:

Ông T và bà H thống nhất số tiền 261.000.000đ do ông S chuyển khoản trả cho ông T. Tuy nhiên, theo ông T trình bày về số tiền 261.000.000đ là trả vốn 100.000.000đ (chuyển ngày 18/6/2023) và trả lãi nhiều lần là 161.000.000đ; theo bà H trình bày về số tiền 261.000.000đ là trả vốn, không có lãi.

Xét thấy, ông S vay tiền của ông T có thỏa thuận trả lãi; việc bà H trình bày ông T đồng ý xóa lãi từ sau năm 2021 nhưng ông T không thừa nhận, bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc có thỏa thuận xóa lãi; bà H cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ về số tiền 261.000.000đ là trả vốn.

[3.2.2] Đối với số tiền trả bằng tiền mặt:

Bà H trình bày về việc ông S có trả cho ông T tiền lãi là 120.000.000đ và trả vốn là 100.000.000đ (do bà Á trực tiếp nhận).

Tuy nhiên, ông T và bà Á không thừa nhận lời khai của bà H; ông T và bà Á chỉ thừa nhận ông S trả lãi 02 lần là 23.000.000đ.

Bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc trả tiền lãi 120.000.000đ và trả vốn 100.000.000đ do bà Á trực tiếp nhận.

[3.2.3] Về nghĩa vụ chứng minh:

Bị đơn thừa nhận có xác lập hợp đồng vay tiền của nguyên đơn là 400.000.000đ và vay có lãi. Như vậy, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, bị đơn thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn trình bày về việc có thỏa thuận bằng lời nói về việc nguyên đơn đã xóa lãi, số tiền đã trả sau khi vay. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến trình bày về việc có thỏa thuận xóa lãi và cụ thể về số tiền lãi đã trả, cụ thể về tiền vốn đã trả theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của bà H trình bày ý kiến tranh luận về yêu cầu nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh đối với lời khai của bị đơn là không đúng về nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2.4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai của nguyên đơn về tiền vốn đã trả là 100.000.000đ (bằng hình chuyển khoản ngày 18/6/2023) và tiền lãi đã trả là 184.000.000đ (gồm: Chuyển khoản 161.000.000đ và trả tiền mặt 23.000.000đ) là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, cấp sơ thẩm điều chỉnh tiền lãi đã trả để trừ vào vốn và buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn 262.329.000đ là đúng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại cấp phúc thẩm, bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc hiện còn nợ ông S vốn gốc 39.000.000đ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Trúc H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 292/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang:

- Đình chỉ xét xử một phần khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T về yêu cầu trả lãi đối với vốn gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

- Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T.

- Buộc ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Trúc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn T số tiền 262.329.000đ (hai trăm sáu mươi hai triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Trúc H cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.116.000đ (mười ba triệu một trăm mười sáu nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Trúc H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0010006 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THADS huyện An Phú;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV&THA, Tòa Dân sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ